

PHỤ LỤC 1
DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU
KIỆN TRONG TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
Danh mục ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện, yêu cầu giấy phép
chuyên ngành trong Trung tâm tài chính quốc tế (Nhóm 2)

STT	Ngành, nghề đầu tư, kinh doanh có điều kiện
1	Xây dựng, kinh doanh kết cấu hạ tầng Trung tâm tài chính quốc tế
2	Phát triển hạ tầng số, tài sản số, hạ tầng logistics tài chính, kết nối thanh toán và giao dịch xuyên biên giới
3	Xây dựng và vận hành trung tâm lưu ký, bù trừ và thanh toán đa tài sản
4	Phát triển vườn ươm, trung tâm đổi mới sáng tạo, trung tâm nghiên cứu và phát triển; công nghệ khí hậu, công nghệ xanh, Web 3.0, công nghệ lượng tử và các công nghệ đổi mới khác
5	Đầu tư, xây dựng hạ tầng công nghiệp công nghệ số
6	Kinh doanh dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tuân thủ pháp luật, bao gồm phòng chống rửa tiền và tài trợ khủng bố, xác minh khách hàng và doanh nghiệp, phân tích và quản lý dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân, an ninh mạng, quản lý gian lận
7	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm, dịch vụ định giá tài sản, công bố thông tin doanh nghiệp, dịch vụ kế toán - kiểm toán, thẩm định và bảo chứng
8	Kinh doanh dịch vụ tư vấn rủi ro, nghiên cứu thị trường, quản trị danh mục đầu tư quốc tế; tư vấn sáp nhập và mua bán doanh nghiệp xuyên quốc gia
9	Kinh doanh dịch vụ pháp lý, trọng tài quốc tế và giải quyết tranh chấp tài chính, thương mại quốc tế, dịch vụ thuế, tư vấn tài chính theo chuẩn mực quốc tế, dịch vụ hỗ trợ vận hành cho các tổ chức tài chính
10	Đầu tư kinh doanh cơ sở hạ tầng đào tạo tài chính, công nghệ tài chính, trung tâm thi và cấp chứng chỉ quốc tế
11	Kinh doanh các dịch vụ liên quan đến tuân thủ pháp luật về tội phạm tài chính như: các biện pháp chống rửa tiền (AML) và chống tài trợ khủng bố (CFT); các khuyến

	ngộ của cơ quan chống tội phạm tài chính (FATF); các hoạt động tuân thủ liên quan khác.
12	Sản xuất con dấu
13	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
14	Hành nghề luật sư
15	Hành nghề công chứng
16	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
17	Hành nghề đầu giá tài sản
18	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
19	Kinh doanh dịch vụ kế toán
20	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán
21	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
22	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
23	Hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến hoạt động mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài tại Việt Nam
24	Hoạt động thương mại điện tử
25	Hoạt động giáo dục nghề nghiệp
26	Kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp
27	Kinh doanh dịch vụ đánh giá kỹ năng nghề
28	Kinh doanh dịch vụ kiểm định kỹ thuật an toàn lao động
29	Kinh doanh dịch vụ huấn luyện an toàn lao động, vệ sinh lao động

30	Kinh doanh dịch vụ việc làm
31	Kinh doanh dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài
32	Kinh doanh dịch vụ cho thuê lại lao động
33	Kinh doanh bất động sản
34	Kinh doanh dịch vụ kiến trúc
35	Kinh doanh dịch vụ tư vấn quản lý dự án đầu tư xây dựng
36	Kinh doanh dịch vụ khảo sát xây dựng
37	Kinh doanh dịch vụ thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng
38	Kinh doanh dịch vụ tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình
39	Kinh doanh dịch vụ thi công xây dựng công trình
40	Hoạt động xây dựng của nhà thầu nước ngoài
41	Kinh doanh dịch vụ quản lý chi phí đầu tư xây dựng
42	Kinh doanh dịch vụ kiểm định xây dựng
43	Kinh doanh dịch vụ thí nghiệm chuyên ngành xây dựng
44	Kinh doanh dịch vụ tin cậy
45	Kinh doanh dịch vụ in, trừ in bao bì
46	Kinh doanh dịch vụ mạng xã hội
47	Kinh doanh trò chơi trên mạng viễn thông, mạng Internet
48	Kinh doanh dịch vụ thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp
49	Kinh doanh dịch vụ nội dung thông tin trên mạng viễn thông di động, mạng Internet
50	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, duy trì tên miền

51	Kinh doanh dịch vụ trung tâm dữ liệu
52	Kinh doanh dịch vụ xác thực điện tử
53	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng
54	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an ninh mạng (không bao gồm kinh doanh sản phẩm, dịch vụ an toàn thông tin mạng và kinh doanh sản phẩm, dịch vụ mật mã dân sự)
55	Hoạt động của cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài, văn phòng đại diện giáo dục nước ngoài tại Việt Nam, phân hiệu cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài
56	Hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài
57	Kiểm định chất lượng giáo dục
58	Kinh doanh dịch vụ giám định về sở hữu trí tuệ (bao gồm giám định về quyền tác giả và quyền liên quan)
59	Kinh doanh dịch vụ đánh giá, thẩm định giá và giám định công nghệ
60	Kinh doanh dịch vụ đại diện quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp và dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng)
61	Kinh doanh dịch vụ lưu trú
62	Kinh doanh dịch vụ lưu trữ
63	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ trung gian dữ liệu
64	Kinh doanh sản phẩm, dịch vụ phân tích, tổng hợp dữ liệu
65	Kinh doanh dịch vụ sàn dữ liệu
66	Dịch vụ xử lý dữ liệu cá nhân